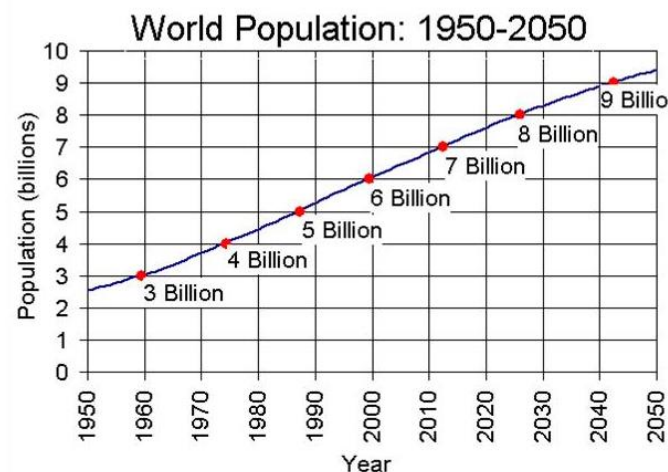


CHƯƠNG V-

ĐỊA LÝ DÂN CƯ

BÀI 22

DÂN SỐ VÀ SỰ GIA TĂNG DÂN SỐ



BÀI 22- DÂN SỐ VÀ SỰ GIA TĂNG DÂN SỐ

NỘI DUNG CHÍNH

I- Dân số và tình hình phát triển dân số thế giới

1- Dân số thế giới

2- Tình hình phát triển dân số thế giới

II- Gia tăng dân số

1- Gia tăng tự nhiên

2- Gia tăng cơ học

3- Gia tăng dân số

I- DÂN SỐ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ THẾ GIỚI

1. Dân số thế giới

❖ 6477 triệu người (giữa năm 2005).



Ngày 31/10/2011



DÂN SỐ THẾ GIỚI
2021

Hiện nay là????

I- DÂN SỐ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ THỂ GIỚI

1. Dân số thể giới

Số dân của một số nước trên
thế giới năm 2005

Quốc gia	Dân số (người)	
Monaco	35.000	}
San Marino	31.887	
Nauru	10.000	}
Tuvalu	10.000	

Châu Âu
Châu Đại Dương

Quốc gia	Số dân (triệu người)
Trung Quốc	1303,7
Ấn Độ	1103,6
Hoa Kỳ	296,5
Indonesia	221,9
Braxin	184,2
Pakixtan	162,4
Băng la đet	144,2
Liên Bang Nga	143,0
Nigieria	131,5
Nhật Bản	127,7
Mê hi cô	107,0

I- DÂN SỐ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ THẾ GIỚI

1. Dân số thế giới

❖ Quy mô dân số giữa các nước rất khác nhau:

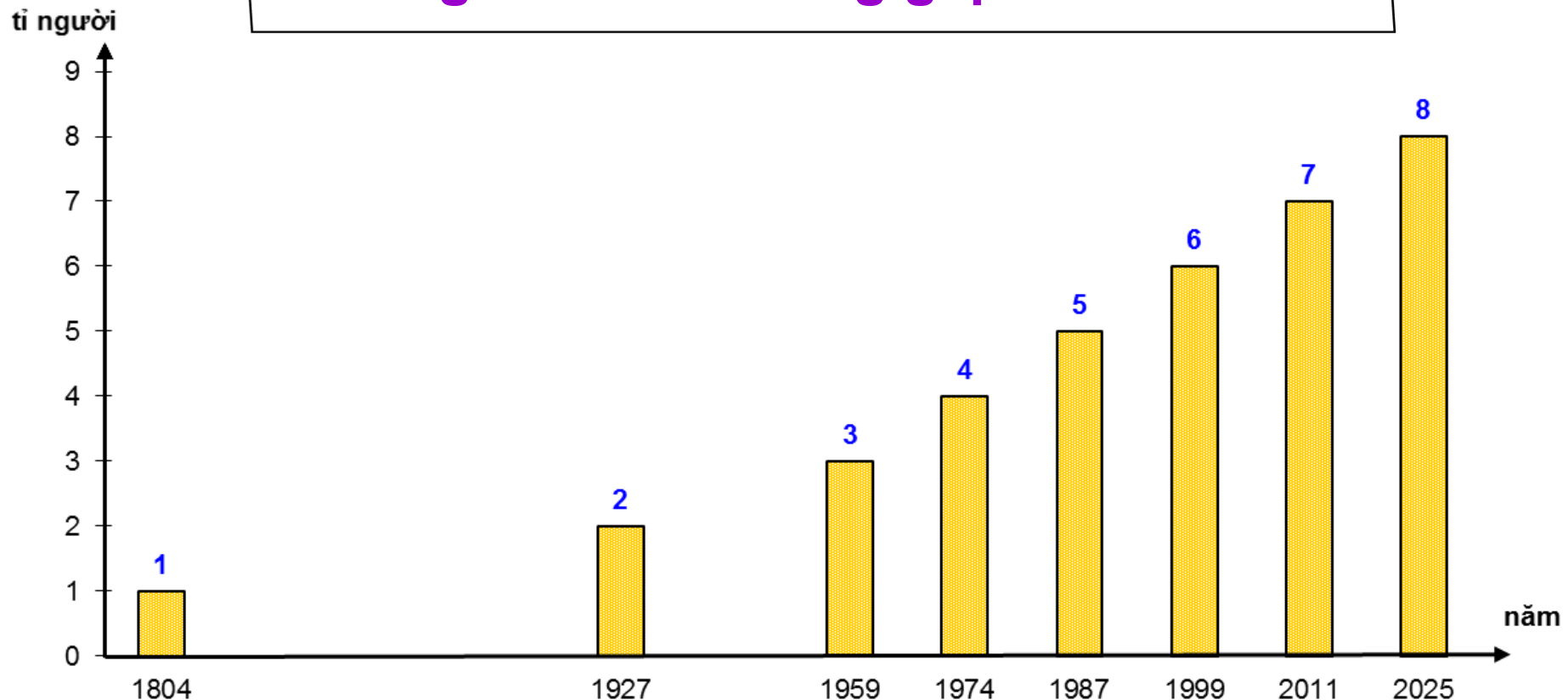
+ 11 nước đông dân vượt quá 100 triệu người / nước (61% dân số TG).

+ 17 nước rất ít dân từ 0,01-0,1 triệu người / nước (0,018% dân số TG).

I- DÂN SỐ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ THẾ GIỚI

2. Tình hình phát triển dân số thế giới

- Thời gian dân số tăng thêm 1 tỉ người?
- Thời gian dân số tăng gấp đôi?



Biểu đồ dân số thế giới giai đoạn 1804-2025

I- DÂN SỐ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ THẾ GIỚI

2. Tình hình phát triển dân số thế giới

Năm	1804	1927	1959	1974	1987	1999	2025 (dự báo)
Số dân trên thế giới	1	2	3	4	5	6	8
Thời gian dân số tăng thêm 1 tỉ người (năm)	123	32	15	13	12		
Thời gian dân số tăng gấp đôi (năm)	123	47	47				

☐ Thời gian dân số tăng thêm 1 tỉ người ngày càng rút ngắn.

☐ Thời gian dân số tăng gấp đôi rút ngắn.

☐ Tốc độ gia tăng dân số nhanh

→ quy mô dân số ngày càng lớn.

II- GIA TĂNG DÂN SỐ

1. Gia tăng tự nhiên

a) Tỉ suất sinh thô

□ Là tương quan giữa số trẻ em được sinh ra trong năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm.

□ Đơn vị: ‰

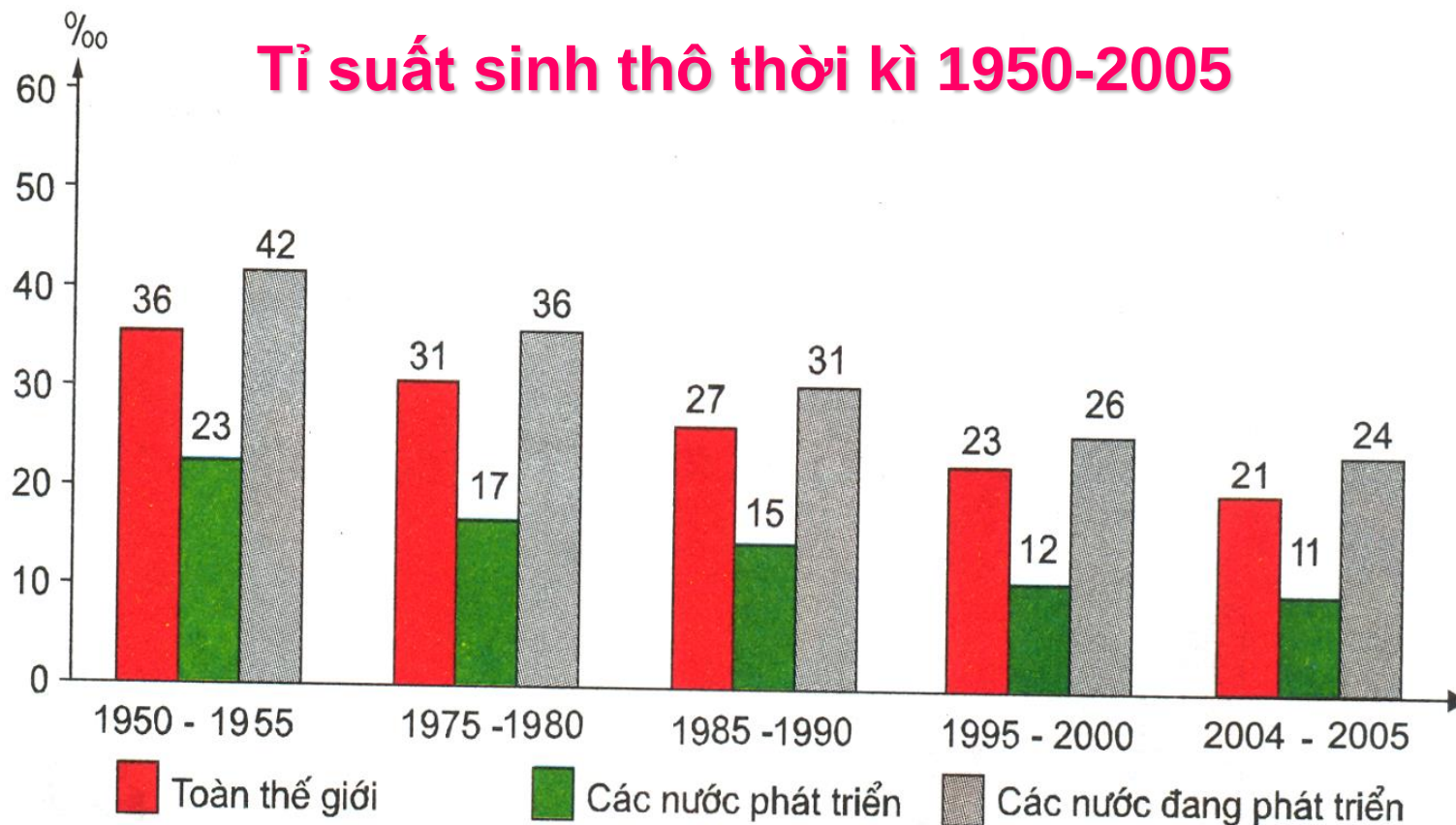
$$S \text{ ‰} = \frac{s}{D} \times 1000$$



II- GIA TĂNG DÂN SỐ

1. Gia tăng tự nhiên

a) Tỉ suất sinh thô



II- GIA TĂNG DÂN SỐ

1. Gia tăng tự nhiên

a) Tỉ suất sinh thô

Các yếu tố tác động tới tỉ suất sinh thô:

- + Tự nhiên-sinh học
- + Phong tục, tập quán và tâm lí xã hội
- + Trình độ phát triển KT-XH
- + Chính sách phát triển dân số của từng nước



II- GIA TĂNG DÂN SỐ

1. Gia tăng tự nhiên

b) Tỉ suất tử thô

□ Là tương quan giữa số người chết trong năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm.

□ Đơn vị: ‰

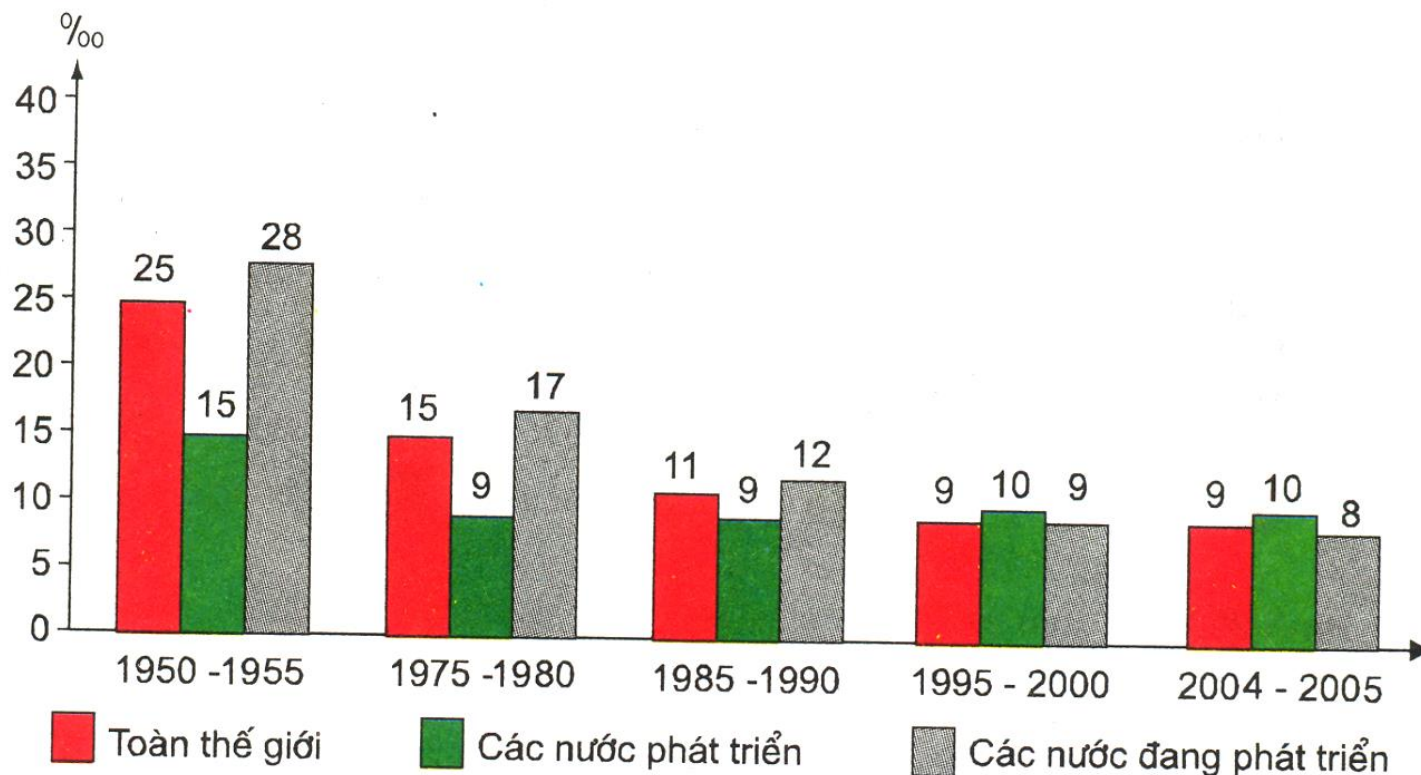
$$T \text{ ‰} = \frac{t}{D} \times 1000$$

II- GIA TĂNG DÂN SỐ

1. Gia tăng tự nhiên

b) Tỷ suất tử thô

Tỷ suất tử thô thời kì 1950-2005



Tình
+ Tỷ
+ Các
chữ
+ Các
hơn,
phát

ó

II- GIA TĂNG DÂN SỐ

1. Gia tăng tự nhiên

b) Tỉ suất tử thô

Các yếu tố tác động tới
tỉ suất tử thô:

- + Kinh tế-xã hội
- + Các thiên tai



II- GIA TĂNG DÂN SỐ

1. Gia tăng tự nhiên

b) Tỉ suất tử thô

***Tuổi thọ trung bình dân số
TG ngày càng tăng**



II- GIA TĂNG DÂN SỐ

1. Gia tăng tự nhiên

c) Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên

□ Được coi là động lực phát triển dân số

□ Là sự chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.

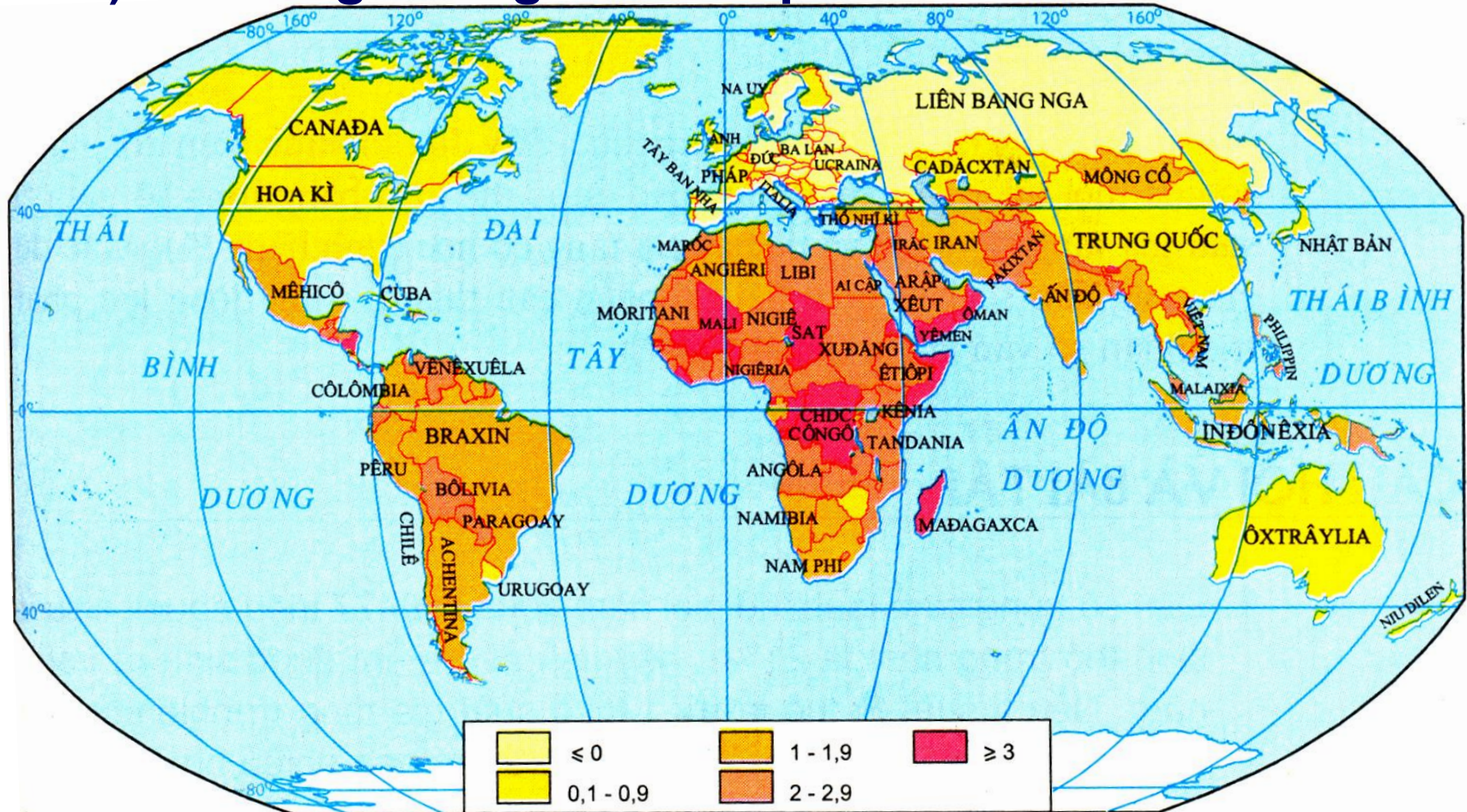
□ Tính bằng đơn vị: %.

$$GTTN(\%) = \frac{S(\text{‰}) - T(\text{‰})}{10}$$

II- GIA TĂNG DÂN SỐ

1. Gia tăng tự nhiên

c) Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên



Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên thế giới hàng năm,
thời kì 2000-2005 (%)

II- GIA TĂNG DÂN SỐ

1. Gia tăng tự nhiên

c) Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên

Có 4 nhóm nước với tỉ suất GTDSTN khác nhau:

- + Gia tăng dân số tự nhiên bằng 0% và âm:
- + Gia tăng dân số chậm: $\leq 0,9\%$:
- + Gia tăng dân số trung bình: 1-1,9%,
- + Gia tăng dân số cao và rất cao: $>2\%$, có thể $>3\%$,

II- GIA TĂNG DÂN SỐ

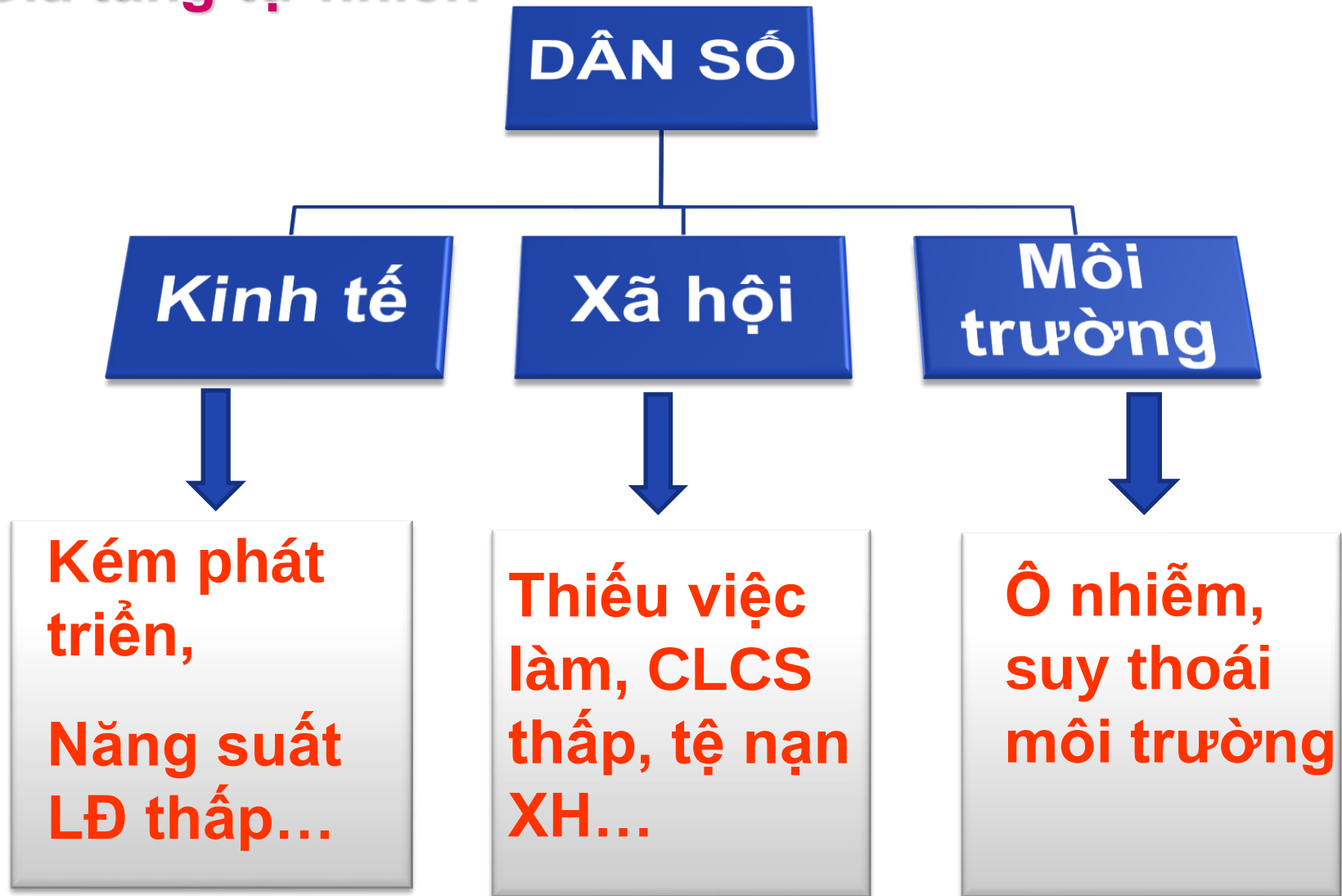
1. Gia tăng tự nhiên

d) Ảnh hưởng của tình hình tăng dân số đối với sự phát triển kinh tế-xã hội

Dựa vào sơ đồ dưới hãy nêu sự gia tăng dân số quá nhanh và không hợp lí có ảnh hưởng tiêu cực như thế nào ?

II- GIA TĂNG DÂN SỐ

1. Gia tăng tự nhiên



d) Ảnh hưởng của tình hình tăng dân số đối với sự phát triển kinh tế-xã hội

nghèo đói, bệnh tật, thiếu nước, ô nhiễm môi trường, thiếu việc làm, tệ nạn xã hội.



Biện pháp



II- GIA TĂNG DÂN SỐ

2. Gia tăng cơ học

□ Gia tăng cơ học là sự chênh lệch giữa số người xuất cư và nhập cư.

□ Đơn vị: %

$$G(\%) = \frac{N - X}{D_{TB}} \times 100$$

Trong đó:

- N: Số người nhập cư trong năm

- X: Số người xuất cư trong năm

- D_{TB} : Dân số trung bình trong năm

II- GIA TĂNG DÂN SỐ

2. Gia tăng cơ học

□ Gia tăng cơ học không ảnh hưởng lớn đến vấn đề dân số nói chung trên thế giới, nhưng đối với từng khu vực, từng quốc gia thì nó có ý nghĩa quan trọng.

II- GIA TĂNG DÂN SỐ

3. Gia tăng dân số

□ Là thước đo tình hình biến động dân số của một quốc gia, một vùng.

□ Thể hiện bằng tổng số giữa tỉ suất gia tăng tự nhiên và tỉ suất gia tăng cơ học (tính bằng %).

$$GTDS(\%) = GTTN(\%) + GTCH(\%)$$

Tuy nhiên động lực gia tăng dân số vẫn là gia tăng dân số tự nhiên.

TÓM TẮT BÀI HỌC

DÂN SỐ VÀ SỰ GIA TĂNG DÂN SỐ

II/ Dân số và tình hình phát triển dân số thế giới:

III/ Gia tăng dân số:

Gia tăng tự nhiên

Gia tăng cơ học

Gia tăng dân số

Tỉ suất sinh thô

Tỉ suất tử thô

Tỉ suất GTDSTN

A/h của GTDS

DẶN DÒ

❖ Về nhà làm bài tập trong SGK

❖ Chuẩn bị bài mới:

Bài 23- Cơ cấu dân số